

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hạnh;

Bà Võ Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Hữu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T.T.P.Th, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã LA, huyện BTU, tỉnh BD; có mặt.

- Bị đơn: Ông K.C.T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã LA, huyện BTU, tỉnh BD; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T.T.P.T trình bày: Bà Th và ông K.C.T tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng 3 năm, được sự đồng ý của cha mẹ 2 bên, bà Th và ông T kết hôn và chung sống với nhau từ ngày 13/01/2008, đăng ký kết hôn ngày 14/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện BTU, tỉnh BD. Năm 2013, khi bà Th thấy có người đem giấy nợ đến nhà yêu cầu trả nợ thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, ông T còn mê cờ bạc, hầu như không lo cho vợ con. Bà Th đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là K.T.T, sinh ngày 04/11/2008 và K.T.A, sinh ngày 01/01/2012. Bà Th đề nghị được nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông K.C. T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian tìm hiểu, kết hôn, chung sống và con chung. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tiền bạc và chi tiêu trong gia đình. Nay nhận thấy vợ chồng không còn biện pháp nào hàn gắn nên bà Th xin ly hôn thì ông T đồng ý. Về con chung: Ông T đề nghị được nuôi 01 con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con trên 7 tuổi ngày 01/3/2022 của Tòa án thể hiện như sau: Cháu K.T.A có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Cháu K.T.T có nguyện vọng được sống chung với cả ba và mẹ.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; bị đơn vắng mặt không có lý do. Cháu K.T.T có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Th khởi kiện ông T về việc ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con, bị đơn cư trú tại xã LA, huyện BTU, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông T là những người có năng lực nhận thức đầy đủ, đủ tuổi kết hôn, tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn ngày 14/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã LA, huyện TU (Nay là huyện BTU), tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Buổi hòa giải ngày 01/3/2022, ông T thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay do không còn biện pháp

hàn gắn nên bà Th xin ly hôn thì ông T đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Th và ông T có 2 con chung là K.T.T, sinh ngày 04/11/2008 và K.T.A, sinh ngày 01/01/2012. Con hiện đang sinh sống với bà Th và có nguyện vọng được ở chung với bà Th. Xét thấy, 2 con hiện do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, các con đều phát triển tốt; ông T hiện làm nghề tài xế tự do, không có thu nhập ổn định, hiện phải sống tại nhà cha mẹ vợ, không có nhà riêng. Bà Th và các con hiện đang ở cùng với cha mẹ ruột của bà Th. Xét thấy, ông T làm nghề tài xế tự do, phải đi lại thường xuyên, thường không có mặt ở nhà, công việc cũng không ổn định; ông T không cung cấp tài liệu chứng minh công việc, thu nhập và nơi ở ổn định để nuôi con. Việc giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục và phát triển của con. Bà Th hiện là công nhân có việc làm ổn định, thu nhập hơn 9.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn có cha mẹ hỗ trợ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó, việc giao con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo cho sự chăm sóc, giáo dục và phát triển của con như từ trước nay, không gây ra sự xáo trộn do phải thay đổi về nơi ăn, chốn ở khi giao con cho ông T sau khi vợ chồng ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của bà Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn bà T.T.P.Th với bị đơn ông K.C. T về việc ly hôn như sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.P.Th được ly hôn với ông K.C. T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.T.P.Th với bị đơn ông K.C. T về việc tranh chấp về nuôi con như sau: Giao K.T.T, sinh ngày 04/11/2008 và K.T.A, sinh ngày 01/01/2012 cho bà T.T.P.Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T.T.P.Th về việc không yêu cầu ông K.C. T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T.T.P.Th và ông K.C. T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T.T.P.Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009829 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Lạc An, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huệ